

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Phạm Thanh Hương, Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị- Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0983.402.960.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 19 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Giao hàng hóa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Địa điểm nhận hàng: Tầng 5 nhà A2 - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: bằng số lượng thực tế nhà thầu đã thực hiện nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn sau khi Bên A nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày ký

6. Các thông tin khác (nếu có).

- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ:

<https://sites.google.com/view/hmuh-vttbqt/qu%E1%BA%A3n-l%C3%BD-ch%C3%A0o-gi%C3%A1-v8>

hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

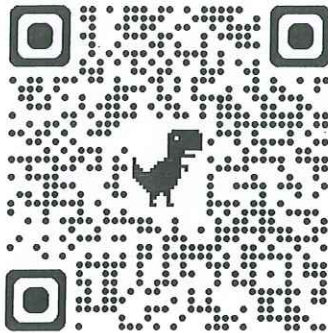
Tài khoản truy cập guest@123 mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTB-QT.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số 2781 /TB-BVĐHYHN ngày 18 tháng 8 năm 2025)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
	Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa và máy mướn do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như <u>Mẫu 1, 2</u> tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa và máy mướn công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - **do công ty tự kê khai** – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào **không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Tính năng, thông số kỹ thuật và/hoặc Chứng nhận chất lượng, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá** và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các tiêu chí và giá chào của công ty. Nếu (các) tiêu chí không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến tính năng, công dụng, chất lượng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Để đảm bảo tính đồng bộ, đề nghị công ty chào giá đầy đủ các danh mục hàng hóa trong 1 phần.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả trúng thầu **gần nhất** trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

- Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một bảng đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Thông báo số 2781 /TB-BVĐHYHN ngày 18 tháng 8 năm 2025)

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật hàng hóa

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)					Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
Tên phần	STT theo phần	STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật		
		..	...	...	Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể
		..	...	...		
		..	...	...		

Mẫu 2: Bảng đáp ứng kỹ thuật của Máy mượn

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT MÁY MƯỢN

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 04)		Thông số kỹ thuật chào giá*		
Tên máy		- Tên máy: - Model/tên thương mại/ký mã hiệu: - Hãng sản xuất: - Xuất xứ:		
STT TB mời chào giá	Thông số kỹ thuật mời chào giá	Tự đánh giá	Chi tiết thông số kỹ thuật chào giá	Tài liệu tham chiếu (nếu có)
...	...	Đáp ứng/ Không đáp ứng	- Nếu đáp ứng: nêu chính xác thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hóa - Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể	<i>Công ty chỉ rõ tiêu chí kỹ thuật được tham chiếu từ mục nào, trang nào, thuộc tài liệu công ty cung cấp kèm theo báo giá để Bệnh viện dễ dàng tiếp cận được thông tin cần thiết</i>
...	...			
...	...			

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi ngày....tháng....năm.... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 19.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi Tên thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Tên hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể ký hiệu, mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên

hàng hóa”.

- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của thiết bị y tế
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách của thiết bị y tế
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của thiết bị y tế
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng thiết bị y tế
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng thiết bị y tế (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (15) Công ty liệt kê (các) Chứng nhận của hàng hóa (ưu tiên liệt kê chứng nhận cao trước, thấp hơn sau) ví dụ như: FDA/PMDA/CE/ARTG/ISO13485/ hoặc tương đương, ...; trường hợp có các chứng nhận đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.
- (16) Công ty điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

(17) Công ty điền loại văn bản; số văn bản; ngày văn bản và tên cơ sở y tế ban hành văn bản

VD: Hợp đồng số 12/HĐ-XX ngày 01/03/2023 ký với Bệnh viện...../ Quyết định phê duyệt kết quả thầu số 11/QĐ-BV.... ngày 15/03/2023 của Bệnh viện.....

(18) Công ty **ĐIỀN** một trong các trường hợp sau:

TH1: Có QR/Barcode trên từng sản phẩm

TH2: Chỉ có QR/Barcode trên hộp chứa nhiều sản phẩm

TH3: Không có QR/Barcode

Lưu ý QR/Barcode là mã định danh hàng hóa, không phải mã để vào xem trang web giới thiệu sản phẩm, trang youtube giới thiệu công ty

(19) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 03

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các hóa chất theo máy

(Kèm theo Thông báo số 2781 /TB-BVĐHYHN ngày 18 tháng 8 năm 2025)

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
Phần 1	P1.1	1	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus HBV	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus HBV có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	25.152	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.2	2	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV gồm chứng âm và chứng dương.	ml	824	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.3	3	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV, chứa HBV DNA plasmid dạng mạch thẳng không gây nhiễm trong dung dịch đệm với DNA truyền tải.	ml	80	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.4	4	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus CMV	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus CMV có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	1.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.5	5	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus CMV	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus CMV gồm chứng âm và chứng dương.	ml	756	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.6	6	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus CMV	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus CMV, chứa CMV DNA plasmid dạng mạch thẳng không gây nhiễm trong dung dịch đệm với DNA truyền tải.	ml	56	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.7	7	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus HCV	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus HCV có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	4.224	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.8	8	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV gồm chứng âm và chứng dương.	ml	860	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.9	9	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV	Hóa chất mẫu chuẩn cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV, chứa Armored RNA không gây nhiễm với chuỗi HCV trong huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin	ml	94	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.10	10	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus EBV	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng virus EBV có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	1.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.11	11	Hóa chất mẫu chứng xét nghiệm đo tải lượng virus EBV	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus EBV gồm chứng âm và chứng dương.	ml	756	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.12	12	Hóa chất mẫu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng virus EBV	Hóa chất mẫu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng virus EBV, chứa DNA EBV plasmid dạng mạch thẳng không gây nhiễm trong dung dịch đệm với DNA truyền tải.	ml	56	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.13	13	Hóa chất xét nghiệm định tính DNA của virus HPV nguy cơ cao	Hóa chất xét nghiệm định tính DNA của virus HPV nguy cơ cao, có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	36.864	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.14	14	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm định tính DNA của virus HPV nguy cơ cao	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm định tính DNA của virus HPV nguy cơ cao gồm chứng âm và chứng dương.	ml	404	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.15	15	Hóa chất xét nghiệm nhiễm trùng đường sinh dục STI	Hóa chất xét nghiệm nhiễm trùng đường sinh dục (STI) có chứa thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia liều.	Test	5.760	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.16	16	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm nhiễm trùng đường sinh dục STI	Hóa chất mẫu chứng cho xét nghiệm nhiễm trùng đường sinh dục STI gồm chứng âm và chứng dương.	ml	316	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.17	17	Bộ hoá chất tách chiết mẫu HPV và STI	Bộ tách chiết DNA hoặc RNA từ mẫu HPV, STI. Thành phần chứa các vi hạt từ tính và đệm tách rửa dạng lỏng.	ml	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P1.18	18	Bộ hóa chất tách chiết mẫu HBV và HCV	Bộ tách chiết DNA hoặc RNA từ mẫu HBV, HCV. Thành phần chứa các vi hạt từ tính và đệm tách rửa dạng lỏng.	ml	5.152	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.19	19	Dung dịch ly giải mẫu xét nghiệm	Dung dịch ly giải mẫu xét nghiệm. Thành phần chứa: Nước với Đệm Tris, GITC, và Tween 20.	ml	177.450	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.20	20	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm. Thành phần chứa: Nước dùng trong sinh học phân tử và ProClin.	ml	161.850	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.21	21	Dung dịch chống bay hơi mẫu xét nghiệm	Dung dịch chống bay hơi mẫu xét nghiệm. Thành phần chứa dầu khoáng.	ml	10.725	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.22	22	Cồn tuyệt đối dành cho sinh học phân tử	Cồn tuyệt đối dành cho sinh học phân tử.	Lít	75	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.23	23	Đầu tip 50µL chuyên dụng cho máy xét nghiệm PCR tự động	Đầu tip thể tích hút 50 µL, bằng nhựa Polypropylene - PP hoặc tương đương.	Cái	109.440	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.24	24	Đầu tip 1000µL chuyên dụng cho máy xét nghiệm PCR tự động	Đầu tip thể tích hút 1000 µL, bằng nhựa Polypropylene - PP hoặc tương đương.	Cái	149.760	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.25	25	Khay phản ứng tích hợp chuyên dụng cho máy xét nghiệm PCR tự động	Khay bằng nhựa sử dụng một lần có chứa các thành phần cần thiết để dùng trong quá trình chiết xuất mẫu và quy trình PCR.	Cái	23.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.26	26	Bộ lấy/vận chuyển mẫu nước tiểu, dịch phết cổ tử cung, âm đạo cho xét nghiệm STI trên máy xét nghiệm PCR tự động	Bộ gồm: Ống vận chuyển dùng nắp có thể xuyên qua chứa tối thiểu 1,2 ml đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris), một que swab lấy mẫu vô trùng, một pipet chuyển loại dùng một lần	Bộ	5.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.27	27	Bộ lấy/vận chuyển mẫu xét nghiệm cổ tử cung xét nghiệm HPV trên máy xét nghiệm PCR tự động	Bộ gồm: Ống vận chuyển đã đầy nắp chứa tối thiểu 2,4 ml đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris) và một bàn chải tế bào cổ tử cung	Cái	48.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
	P1.28	28	Ống chứa mẫu xét nghiệm HPV và STI dùng trên máy PCR tự động	Ống chứa mẫu xét nghiệm HPV và STI dùng trên máy PCR tự động.	Cái	10.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1
Phần 2	P2.1	29	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí dùng cho người lớn có hạt polime hấp phụ	Chai môi trường phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể. Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycyclcyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones. Chứa môi trường và hạt polime hấp phụ.	ml	900.000	ISO 13485	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm tự động
	P2.2	30	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí dùng cho trẻ em có hạt polime hấp phụ	Chai môi trường phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu. Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycyclcyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones. Chứa môi trường và hạt polyme hấp phụ	ml	15.000	ISO 13485	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm tự động

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P2.3	31	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật kỵ khí có hạt polime hấp phụ	Chai môi trường phát hiện vi sinh vật kỵ khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và các dịch vô khuẩn khác của cơ thể. Có khả năng trung hòa các kháng sinh: imipenem, meropenem, oxacillin, glycylicyclines, macrolides, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, ketolides, và glycopeptides. Chứa môi trường và hạt polyme hấp phụ.	ml	1.200.000	ISO 13485	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm tự động
Phần 3	P3.1	32	Thẻ định danh vi khuẩn gram âm	Thẻ định danh Gram âm để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men.	Thẻ	30.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.2	33	Thẻ định danh vi khuẩn gram dương	Thẻ định danh Gram dương để định danh các vi sinh vật Gram dương.	Thẻ	20.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.3	34	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus để định danh vi khuẩn khó mọc.	Thẻ	4.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.4	35	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm chứa các kháng sinh chọn lọc ở nồng độ khác nhau, được sấy khô cùng với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	30.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.5	36	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương chứa các kháng sinh chọn lọc ở nồng độ khác nhau, được sấy khô cùng với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	20.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.6	37	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococcus chứa các kháng sinh chọn lọc ở nồng độ khác nhau, được sấy khô cùng với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	4.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
	P3.7	38	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm.	ml	450.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động
Phần 4	P4.1	39	Bộ hóa chất tách chiết axit nucleic vi rút hoặc DNA vi khuẩn	- Kit tách DNA/RNA virus/vi khuẩn, bao gồm khay chứa sẵn hóa chất và vật tư tiêu hao - Loại mẫu chính: các mẫu giàu tế bào như vi sinh vật gây bệnh đã bất hoạt, pellet vi khuẩn/khuẩn lạc từ môi trường nuôi cấy, mẫu tẩm bông trong môi trường vận chuyển dạng lỏng và vật liệu từ môi trường (nước, đất,...). - Thẻ tích mẫu đầu vào: 100-200 µl - Thẻ tích thu hồi: 50-300 µl	Test	6.912	ISO 13485	Hệ thống tách chiết Nucleic Acid tự động
	P4.2	40	Kit tách DNA/RNA virus/vi khuẩn	- Kit tách DNA/RNA virus/vi khuẩn - Loại mẫu chính: huyết tương, huyết thanh, CSF, nước tiểu và các dịch không bào khác - Thẻ tích mẫu đầu vào: 100-400 µl - Thẻ tích thu hồi: 50-200 µl	Test	2.304	ISO 13485	Hệ thống tách chiết Nucleic Acid tự động
	P4.3	41	Kit tách Nucleic Acid Virus	- Kit tách Nucleic Acid Virus dùng tách chiết Nucleic Acid của HIV, HCV, HBV, CMV, EBV, virus cúm - Loại mẫu chính: huyết tương, huyết thanh, CSF, nước tiểu đã qua xử lý, dịch cơ thể	Test	288	ISO 13485	Hệ thống tách chiết Nucleic Acid tự động

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
Phần 5	P5.1	42	Canh trường dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm	Canh trường dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm. Thành phần tối thiểu: Potassium chloride, Calcium chloride, Tricine glycine, Polysorbate 80	ml	67.500	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
	P5.2	43	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn. Thành phần tối thiểu: Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80	ml	240.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
	P5.3	44	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn. Thành phần tối thiểu: (công thức trên 1 lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g	ml	1.800	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
	P5.4	45	Thuốc thử xét nghiệm định danh vi khuẩn gram âm hiệu khí và kỵ khí tùy tiện	Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiệu khí và kỵ khí tùy nghi	Thẻ	10.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
	P5.5	46	Thuốc thử xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiệu khí và kỵ khí tùy nghi . -Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas - Phân CPO thành nhóm Ambler A,B hoặc D.	Thẻ	5.000	ISO 13485	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
	P5.6	47	Thẻ xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiệu khí và kỵ khí tùy nghi . -Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Có các kháng sinh: Cefazidime-Avibactam, Ceftriaxone-Tazobactam, Imipenem-Relebactam, Meropenem-Vaborbactam. - Có giếng thử nghiệm phát hiện xác nhận CPO cho Enterobacteriales, Pseudomonas aeruginosa và Acinetobacter baumannii. - Có giếng thử nghiệm và phân nhóm CPO thành các Ambler (A, B, D) cho Enterobacteriales.	Thẻ	10.000	ISO 13486	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động
Phần 6	P6.1	48	Hóa chất xét nghiệm định tính/ định type HPV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm phát hiện định tính các type human papillomavirus (HPV). Xét nghiệm phát hiện 14 type HPV nguy cơ cao và chứng nội lấy từ mẫu là một đoạn ADN từ gen beta globin của người.	Test	51.200	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.2	49	Thẻ mở khóa xét nghiệm định type HPV	Thẻ tài khoản chứa chìa khóa mở kết quả định type HPV, gồm ≥ 1000 khóa.	Khóa	50.000	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.3	50	Ống tách chiết ADN cho xét nghiệm định tính HPV	Được dùng cho quy trình tách chiết DNA từ mẫu cho xét nghiệm định tính HPV.	Ống	51.200	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P6.4	51	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HPV	Bao gồm chứng dương và chứng âm dùng để kiểm soát chất lượng xét nghiệm HPV - Chứng dương bao gồm: copy của HPV 16 plasmid, copy HPV 18 plasmid, copy HPV 56 plasmid, copy DNA của beta globin người. - Chứng âm chứa carrier nucleic acid (Đoạn DNA đơn).	Bộ	1.800	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.5	52	Hóa chất pha loãng mẫu tế bào nhúng dịch HPV	Hóa chất pha loãng mẫu tế bào nhúng dịch HPV	Ống	51.200	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.6	53	Hóa chất tách chiết ADN cho xét nghiệm định tính HPV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm khuếch đại ADN nhằm phát hiện định tính các type human papillomavirus (HPV)	Máng	1.800	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.7	54	Bộ phụ kiện PCR	Bộ gồm tối thiểu: 1 miếng dán đĩa trong suốt và 1 túi thải	Bộ	1.800	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.8	55	Túi đựng rác thải thể rắn	Túi đựng rác thải thể rắn cho xét nghiệm HPV	Túi	900	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.9	56	Túi bột trung hòa rác thải thể lỏng	Túi bột trung hòa rác thải thể lỏng	Túi	600	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.10	57	Cốc hút miếng dán đĩa	Cốc hút miếng dán đĩa dùng cho xét nghiệm virus HPV	Cái	90	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.11	58	Hóa chất bảo quản tế bào cổ tử cung kèm chổi thu mẫu	Bộ hoá chất bao gồm chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung và ống pha loãng chứa hóa chất Tris/Sodium Chloride với chất hoạt động bề mặt và dung dịch bảo quản	Bộ	48.000	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
	P6.12	59	Đầu tip pipet	Đầu tip 1000µL, có lọc vật lý	Típ	222.720	ISO 13485	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động
Phần 7	P7.1	60	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp: Influenza A virus, Influenza B virus, RSV A, RSV B, Flu A-H1, Flu A-H1 pdm09, Flu A-H3	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Influenza A virus, Influenza B virus, RSV A, RSV B, Flu A-H1, Flu A-H1 pdm09, Flu A-H3 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	4.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.2	61	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp: Adenovirus, Enterovirus, MPV, PIV1, PIV2, PIV3, PIV4	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Adenovirus, Enterovirus, MPV, PIV1, PIV2, PIV3, PIV4 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	4.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.3	62	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp: Bocavirus, Rhinovirus, CoV OC43, CoV NL63, CoV 229E	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Bocavirus, Rhinovirus, CoV OC43, CoV NL63, CoV 229E - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	4.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P7.4	63	Hóa chất phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp: Bordetella parapertussis (BPP), Bordetella pertussis (BP), Chlamydomphila pneumoniae (CP), Haemophilus influenzae (HI), Legionella pneumophila (LP), Mycoplasma pneumoniae (MP), Streptococcus pneumoniae (SP)	- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Bordetella parapertussis (BPP), Bordetella pertussis (BP), Chlamydomphila pneumoniae (CP), Haemophilus influenzae (HI), Legionella pneumophila (LP), Mycoplasma pneumoniae (MP), Streptococcus pneumoniae (SP) - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy ty hầu, Dịch hút ty hầu, Dịch rửa phế quản, Đờm	Test	4.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động
	P7.5	64	Hóa chất phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây viêm màng não: H.influenzae, S.pneumoniae, L. monocytogenes, N. meningitidis, GBS, E.coli K1	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: H.influenzae, S.pneumoniae, L. monocytogenes, N. meningitidis, GBS, E.coli K1 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy (CSF)	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động
	P7.6	65	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây viêm màng não: HSV1, VZV, CMV, HHV7, HSV2, EBV, HHV6	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: HSV1, VZV, CMV, HHV7, HSV2, EBV, HHV6 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy (CSF)	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động
	P7.7	66	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây viêm màng não: Parvovirus B19, Mumps virus, Human parechovirus, AdV, HEV	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Parvovirus B19, Mumps virus, Human parechovirus, AdV, HEV - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy (CSF)	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động
	P7.8	67	Hóa chất phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa: Campylobacter spp., Clostridium difficile toxin B, Yersinia enterocolitica, Shigella spp./EIEC, Vibrio spp., Salmonella spp., Aeromonas spp.	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Campylobacter spp., Clostridium difficile toxin B, Yersinia enterocolitica, Shigella spp./EIEC, Vibrio spp., Salmonella spp., Aeromonas spp. - Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động
	P7.9	68	Hóa chất phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa: E. coli O157, STEC (stx 1/2), EPEC (eaeA), Clostridium difficile hypervirulent, ETEC (lt/st), EAEC (aggR)	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: E. coli O157, STEC (stx 1/2), EPEC (eaeA), Clostridium difficile hypervirulent, ETEC (lt/st), EAEC (aggR) - Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động

Tên phần	STT theo phần	STT mới chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P7.10	69	Hóa chất phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường tiêu hóa: Norovirus G I, Norovirus G II, Rotavirus, Adenovirus, Astrovirus, Sapovirus	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Norovirus G I, Norovirus G II, Rotavirus, Adenovirus, Astrovirus, Sapovirus - Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.11	70	Hóa chất phát hiện đa tác nhân ký sinh trùng gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Giardia lamblia, Entamoeba histolytica, Cryptosporidium spp., Blastocystis hominis, Dientamoeba fragilis, Cyclospora cayetanensis - Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.12	71	Hóa chất phát hiện lao và lao không điển hình	Bộ kit real-time PCR phát hiện Lao và Lao không điển hình: MTB, Mycobacteria - Loại mẫu bệnh phẩm: Đờm, Tế bào nuôi cấy, Dịch rửa phế quản, Mô tươi	Test	12.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.13	72	Hóa chất phát hiện và định tuýp các tuýp HPV nguy cơ cao và nguy cơ thấp	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời và xác định 19 type HPV nguy cơ cao và 9 type HPV nguy cơ thấp gây ung thư cổ tử cung, bao gồm: 19 type HPV nguy cơ cao: 16, 18, 26, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 53, 56, 58, 59, 66, 68, 69, 73, 82 và 9 type HPV nguy cơ thấp: 6, 11, 40, 42, 43, 44, 54, 61, 70 . Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch phết cổ tử cung, dịch phết âm đạo tự lấy	Test	3.600	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.14	73	Ống PCR 0.1mL	Ống 0.1mL cho phản ứng PCR, Real-time PCR, không có nắp, thành mỏng, màu trắng đục.	Chiếc	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
	P7.15	74	Nắp ống PCR 0.1mL	Nắp cho ống PCR 0.1mL tương ứng, có thể hấp sấy.	Chiếc	6.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động
Phần 8	P8.1	75	Hóa chất phát hiện các tác nhân gây viêm màng não	Phát hiện và xác định đồng thời nhiều axit nucleic của vi khuẩn, vi-rút và nấm men gây viêm màng não từ các bệnh phẩm dịch não tủy (Cerebrospinal Fluid, CSF). Có thể phát hiện 15 tác nhân gây bệnh gồm: Escherichia coli K1, Haemophilus influenzae, Listeria monocytogenes, Neisseria meningitidis, Streptococcus agalactiae, Streptococcus pneumoniae, Mycoplasma pneumoniae, Streptococcus pyogenes, Vi-rút herpes simplex 1, Vi-rút herpes simplex 2, Vi-rút herpes ở người 6, Enterovirus, Human parechovirus, Vi-rút varicella-zoster và Cryptococcus neoformans/gattii* -	Test	288	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động hoàn toàn
	P8.2	76	Hóa chất phát hiện SARS CoV-2 và các tác nhân gây bệnh đường hô hấp khác	Phát hiện 21 tác nhân gây bệnh đường hô hấp và 1 tác nhân SARS-CoV-2, bao gồm: Influenza A; Influenza A, subtype H1N1/2009; Influenza A subtype H1; Influenza A subtype H3; Influenza B; Coronavirus 229E; Coronavirus HKU1; Coronavirus NL63; Coronavirus OC43; SARS-CoV-2; Parainfluenza Virus 1; Parainfluenza Virus; Parainfluenza Virus 3; Parainfluenza Virus 4; Respiratory Syncytial Virus A/B; Human Metapneumovirus A/B; Adenovirus; Bocavirus; Rhinovirus/Enterovirus; Mycoplasma pneumoniae; Legionella pneumophila; Bordetella pertussis.	Test	288	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động hoàn toàn

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P8.3	77	Hóa chất phát hiện các tác nhân nhiễm trùng đường tiêu hóa	Phát hiện định tính đồng thời và xác định axit nucleic của 23 loại vi-rút, vi khuẩn và ký sinh trùng gây nhiễm trùng đường tiêu hóa: Adenovirus F40/F41; Astrovirus; Norovirus (GI/GII); Rotavirus A; Sapovirus (GI, GII, GIV, GV); Campylobacter (C. jejuni, C. coli and C. upsaliensis); Clostridium difficile (toxin A/B); Enteraggregative Escherichia coli (EAEC); Shigella/Enteroinvasive Escherichia coli (EIEC); Enteropathogenic Escherichia coli (EPEC); Enterotoxigenic Escherichia coli (ETEC) lt/st; Plesiomonas shigelloides; Salmonella spp.; Shiga-like toxin-producing Escherichia coli (STEC) stx1/ stx2* (bao gồm chủng E. coli O157 serogroup trong nhóm STEC); Vibrio vulnificus; Vibrio parahaemolyticus; Vibrio cholerae; Yersinia enterocolitica; Cryptosporidium; Cyclospora cayetanensis; Entamoeba histolytica; Giardia lamblia; *Shiga-like toxin-producing E. coli (STEC) genes (stx1 và stx2) được phân biệt bởi QIAstat-Dx Gastrointestinal Panel 2	Test	288	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi trường tự động hoàn toàn
Phần 9	P9.1	78	Hóa chất rửa hệ thống	Hóa chất rửa hệ thống	ml	630.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.2	79	Hóa chất pha loãng	Hóa chất pha loãng	ml	140.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.3	80	Hóa chất ly giải	Hóa chất ly giải	ml	280.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.4	81	Hóa chất hạt bi từ	Hóa chất hạt bi từ	Test	67.200	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.5	82	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 1000 µl	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử có lọc, thể tích 1000 µl	Cái	192.000	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.6	83	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 300 µl	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 300 µl	Cái	115.200	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.7	84	Đĩa xử lý mẫu	Đĩa xử lý 24 vị trí	Cái	4.800	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.8	85	Đĩa chất thải lỏng	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Cái	4.800	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.9	86	Đĩa phản ứng	Đĩa phản ứng 24 vị trí	Cái	4.800	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.10	87	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính và định lượng RNA của HIV-1, định lượng DNA của HBV, định tính và định lượng RNA của HCV	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính và định lượng RNA của HIV-1, định lượng DNA của HBV, định tính và định lượng RNA của HCV	Test	880	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P9.11	88	Hóa chất kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA của HIV-1, RNA của HIV-2, RNA của HCV, DNA của HBV, DNA của CMV	Hóa chất kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA của HIV-1, RNA của HIV-2, RNA của HCV, DNA của HBV, DNA của CMV	ml	1.040	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.12	89	Hóa chất xét nghiệm định tính và định lượng RNA của HCV	Xét nghiệm khuếch đại acid nucleic in vitro để phát hiện và định lượng RNA của vi rút viêm gan C (HCV), kiểu gen từ 1 đến 6	Test	5.760	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.13	90	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của HBV	Xét nghiệm khuếch đại acid nucleic in vitro để phát hiện và định lượng DNA của vi rút viêm gan B. Phát hiện được tối thiểu các kiểu gen HBV Genotype A-H	Test	51.840	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.14	91	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của CMV	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của CMV	Test	1.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.15	92	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định lượng DNA của CMV	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định lượng DNA cytomegalovirus (CMV) trong huyết tương người chống đông bằng EDTA gồm hai mức nồng độ thấp và cao	Test	144	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.16	93	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của virus Epstein-Barr (EBV)	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của virus Epstein-Barr	Test	1.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.17	94	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định lượng DNA của virus Epstein-Barr (EBV)	Hóa chất kiểm soát dương tính xét nghiệm định lượng DNA của vi rút Epstein-Barr (EBV) trong huyết tương chống đông bằng EDTA gồm hai mức nồng độ thấp và cao	Test	280	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.18	95	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của virus BK	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của virus BK	Test	1.920	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.19	96	Hóa chất kiểm soát âm tính xét nghiệm định tính, định lượng DNA/RNA	Hóa chất kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng DNA/ RNA	ml	320	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.20	97	Túi rác thải rắn	Túi rác thải rắn	Cái	120	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
	P9.21	98	Ống thứ cấp tiêu hao phụ trợ cho các hệ thống xét nghiệm Acid nucleic và máy hút mẫu tự động	Ống thứ cấp tiêu hao phụ trợ cho các hệ thống xét nghiệm Acid nucleic và máy hút mẫu tự động	Cái	4.500	ISO 13485	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2
Phần 10	P10.1	99	Hóa chất phát hiện 34 tác nhân gây bệnh đường hô hấp	Xét nghiệm để phát hiện và xác định đồng thời axit nucleic của virus và vi khuẩn đường hô hấp, cũng như các gen kháng kháng sinh được lựa chọn trong các mẫu đờm hoặc các mẫu dịch phế quản phế nang thu được từ các cá nhân nghi ngờ nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới. Có thể phát hiện 34 tác nhân gây bệnh gồm: vi khuẩn, virus, gen kháng kháng sinh	Test	360	ISO 13485	Hệ thống xét nghiệm PCR lồng đa tác nhân

Tên phần	STT theo phần	STT mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng 24 tháng	Chứng nhận	Máy mượn chạy hóa chất (nếu có)
	P10.2	100	Hóa chất phát hiện 14 tác nhân gây viêm não/viêm màng não	Xét nghiệm để phát hiện và xác định đồng thời axit nucleic của virus và vi khuẩn và nấm men trực tiếp từ mẫu bệnh phẩm dịch não tủy (CFS) thu được bằng cách chọc dò tủy sống từ những người có dấu hiệu viêm màng não và/hoặc viêm não. Có thể phát hiện 14 tác nhân gây bệnh gồm: vi khuẩn, virus	Test	360	ISO 13485	Hệ thống xét nghiệm PCR lồng đa tác nhân
Phần 11	P11.1	101	Bộ kit tách chiết axit nucleic	Bộ kit tách chiết axit nucleic có thành phần tối thiểu gồm: Lysis Buffer (LB), Binding Buffer (BB), Elution Buffer (EB), Magnetic Beads, Lysis Buffer (LB), Proteinase K (lyophilized), WB1, WB2, WB3. Dùng trên Máy tách chiết nucleic acid và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc của Bệnh viện	Test	12.288	ISO 13485	Máy tách chiết acid nucleic và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc
	P11.2	102	Dụng cụ đựng mẫu bằng nhựa	Đĩa 96 giếng, có mã vạch Dùng trên Máy tách chiết nucleic acid và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc của Bệnh viện	Chiếc	580	ISO 13485	Máy tách chiết acid nucleic và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc
	P11.3	103	Đầu côn 300µL	Đầu côn bằng nhựa, thể tích 300µL Dùng trên Máy tách chiết nucleic acid và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc của Bệnh viện	Tip	17.280	ISO 13485	Máy tách chiết acid nucleic và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc
	P11.4	104	Đầu côn 1000µL	Đầu côn bằng nhựa, thể tích 1000µL Dùng trên Máy tách chiết nucleic acid và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc của Bệnh viện	Tip	61.440	ISO 13485	Máy tách chiết acid nucleic và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc
Phần 12	P12.1	105	Kit xét nghiệm vi khuẩn lao kháng RIF	Hóa chất cho xét nghiệm phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn Lao kháng ít nhất với Rifampicin. Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để kiểm soát quá trình phản ứng.	Test	14.400	ISO 13485	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn
	P12.2	106	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA virus viêm gan B	Hóa chất định lượng DNA của Virus Viêm gan B (HBV) - Tích hợp tối thiểu 2 chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm để định lượng DNA của virus HBV và kiểm soát có chất ức chế phản ứng PCR. - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm	Test	5.000	ISO 13485	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn
	P12.3	107	Hóa chất xét nghiệm định lượng RNA virus viêm gan C	Hóa chất định lượng nhanh RNA của Virus Viêm gan C (HCV) trên máy PCR tự động - Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để định lượng RNA của virus HCV và kiểm soát sự có mặt của chất ức chế trong phản ứng RT và PCR - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm.	Test	2.000	ISO 13485	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn

PHỤ LỤC 04

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của máy mượn để chạy hóa chất

(Kèm theo Thông báo số ~~2781~~ /TB-BVĐHYHN ngày 18 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên máy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1.	Hệ thống tách chiết Nucleic Acid tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện: Tách chiết axit nucleic tự động từ nhiều mẫu khác nhau (ví dụ: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, bệnh phẩm, mô) 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy: Công suất: 1-12 mẫu trong 1 lần chạy Thời gian xử lý mẫu: 30-180 phút 2. Tính năng kỹ thuật Các mẫu tối thiểu có thể xử lý: Máu toàn phần, Huyết tương, Huyết thanh, FFPE, Mô tươi/đông lạnh, Tế bào nuôi cấy, Nước bọt, Đờm, Tế bào vi khuẩn, Dịch phết, Phân, Nước tiểu, Mẫu pháp y và mẫu sinh học khác Đối tượng tách chiết: DNA tổng số, Nucleic acid tổng số, DNA vi khuẩn, FFPE, cfDNA, ctDNA	1
2.	Hệ thống xét nghiệm PCR lồng đa tác nhân	1. Các xét nghiệm thực hiện: viêm đường hô hấp trên (RP), nhiễm trùng huyết (BCID2), nhiễm trùng đường dạ dày tiêu hóa (GI), viêm màng não (ME), viêm phổi (Pneumonia), viêm khớp (JI) 2. Thời gian ra kết quả: 45-60 phút 3. Thông số kỹ thuật - Công nghệ: PCR lồng đa môi (Nested Multiplex PCR)	1
3.	Máy cấy máu phát hiện vi khuẩn và nấm tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện: Vi khuẩn nuôi cấy định danh tự động (cấy máu) 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy: - Công suất: ≥ 240 vị trí - Thời gian đọc ≤ 10 phút/ lần. 3. Thông số kỹ thuật: Máy có tính năng tự động ủ, lắc và theo dõi liên tục chai môi trường đã cấy bệnh phẩm. Môi trường nuôi cấy có khả năng trung hòa tối thiểu các nhóm kháng sinh như: penicillin, tetracycline, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cephalosporins... Máy có tính năng tự động kiểm tra chất lượng	3
4.	Máy tách chiết acid nucleic và chuẩn bị phản ứng PCR, Model: Seegene STARlet, hãng Seegene - Hàn Quốc	1. Các xét nghiệm thực hiện: tách chiết axit nucleic tự động từ nhiều mẫu khác nhau: nước tiểu, dịch mũi, niệu đạo, âm đạo, cổ tử cung, máu toàn phần, huyết tương, serum, dịch mũi họng, mẫu tế bào dạng lỏng, đờm, phân, CSF... 2. Công suất và thời gian thực hiện của mỗi máy: - Công suất: 1- 94 mẫu trong 1 lần chạy - Thời gian thực hiện: 120 - 155 phút 3. Thông số kỹ thuật - Công nghệ: ly trích axit nucleic bằng hạt từ tính	1

STT	Tên máy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
5.	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 1	1. Các xét nghiệm thực hiện - Định lượng HBV, HCV, HIV, EBV, CMV - Định tính Sars-Cov-2 - Định tuýp HR HPV: phát hiện DNA từ 14 chủng virus HPV (Human Papillomavirus) nguy cơ cao, là các chủng 16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, và 68 - Xét nghiệm STI: Định tính và phân biệt CT, NG, TV, MG - Xét nghiệm Resp-4-plex: xác định và phân biệt RNA từ cúm A, cúm B, RSV, và SARS-CoV-2. 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy: - Công suất: + Tương đương ≥ 300 mẫu trong khoảng 8 giờ + Tương đương ≥ 1080 mẫu trong khoảng 24 giờ - Thời gian ra kết quả của 12 mẫu đầu tiên: ≤ 115 phút - 12 kết quả tiếp theo trong mỗi ≤ 16 phút - Có thể thực hiện ≥ 75 xét nghiệm khác nhau trong 8 giờ 3. Thông số kỹ thuật - Công nghệ: Realtime PCR - Số lượng mẫu nạp cùng lúc: ≥ 140 mẫu - Hệ thống có thể nạp cùng lúc ≥ 20 loại xét nghiệm - Phát hiện ≥ 6 targets/phản ứng - Sử dụng phù hợp với các ống mẫu có kích thước 13-16mm	1
6.	Máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động hoàn toàn số 2	1. Các xét nghiệm thực hiện: định lượng HBV, HCV, CMV, EBV 2. Công suất và thời gian thực hiện của mỗi máy: - Số lượng mẫu nạp tối đa: ≥ 125 mẫu - Thời gian trả kết quả đầu tiên (lên tới 24 mẫu): ≤ 2 giờ 45 phút - Thời gian trả kết quả tiếp theo cho mỗi mẻ 24 mẫu: ≤ 60 phút - Công suất đối đa trong 8 tiếng: ≥ 140 mẫu - Công suất tối đa trong 24 tiếng: ≥ 525 mẫu - Công suất tối đa cho mỗi mẻ chạy: ≥ 20 mẫu bao gồm cả mẫu chứng - Khả năng chạy đồng thời ≥ 06 loại xét nghiệm trên mỗi mẻ chạy 3. Tính năng kỹ thuật Hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử tích hợp và hoàn toàn tự động thực hiện xét nghiệm acid nucleic (NAT) dựa vào công nghệ phản ứng chuỗi polymerase (CR).	1
7.	Máy xét nghiệm sinh học phân tử đa môi tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện: Xét nghiệm Real-time PCR phát hiện đa tác nhân virus, vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm màng não, phát hiện lao và lao không điển hình, phát hiện và định tuýp các tuýp HPV 2. Công suất của mỗi máy: ≥ 95 mẫu/ lượt chạy 3. Thông số kỹ thuật - Công nghệ: Real-time PCR - Thể tích mẫu: 1-50 μl - Số kênh: ≥ 5 kênh	3
8.	Máy xét nghiệm sinh học phân tử	1. Các xét nghiệm thực hiện: phát hiện: - Virus SARS CoV-2 và các tác nhân gây bệnh đường hô hấp khác	1

STT	Tên máy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
	máy đa môi tự động hoàn toàn	- Tác nhân gây viêm màng não - Tác nhân nhiễm trùng đường tiêu hóa 2. Công suất của mỗi máy: lên đến ≥ 80 mẫu/ngày Thời gian cho kết quả: khoảng 1 giờ 3. Thông số kỹ thuật Nguyên tắc hoạt động: dựa trên công nghệ real-time PCR đa môi. Xác định mầm bệnh bằng sản phẩm PCR đặc hiệu dựa trên biểu đồ đường cong khuếch đại và giá trị Ct.	
9.	Máy định danh vi khuẩn/ virus tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện: - Thử nghiệm HPV: Phát hiện định tính ≥ 14 loại HPV nguy cơ cao. - Trả kết quả cho từng loại gen riêng biệt, - Chứng nội cho từng thử nghiệm: beta globin của người 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy: Thử nghiệm HPV: ≥ 30 mẫu/ 4.5 giờ 3. Thông số kỹ thuật - Có chức năng tách chiết DNA - Sử dụng kỹ thuật Khuếch Đại Dịch Chuyển Sợi (Strand Displacement Amplification-SDA) hoặc phản ứng chuỗi polymerase (PCR) làm phương pháp khuếch đại và truyền năng lượng huỳnh quang (ET) làm phương pháp phát hiện để kiểm tra sự hiện diện của mầm bệnh	1
10.	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện Định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn, nấm 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy - Công suất: ≥ 30 test (card)/ lần chạy - Thời gian định danh các nhóm vi khuẩn và nấm: 2-18 giờ - Khả năng định danh vi sinh vật: - Nhóm vi khuẩn Gram âm: ≥ 155 loài - Nhóm vi khuẩn Gram dương: ≥ 120 loài - Các loài nấm: ≥ 50 loài - Nhóm các vi khuẩn Neisseria/ Haemophilus: ≥ 25 loài - Nhóm Corynebacteria và vi khuẩn kỵ khí: ≥ 60 loài - Khả năng làm kháng sinh đồ: khoảng 125 loại kháng sinh (gồm cả kháng sinh suy luận) 3. Thông số kỹ thuật - Nguyên lý định danh: Dùng phương pháp đo màu - Nguyên lý kháng sinh đồ: Dựa trên kỹ thuật MIC (nồng độ ức chế tối thiểu) - Hệ thống máy định danh và làm kháng sinh đồ là hệ thống tự động - Có khả năng định danh và làm kháng sinh đồ đồng thời hoặc riêng rẽ - Giao diện tương thích với LIS (Laboratory Information System). - Có máy tính đồng bộ, máy in laser và phụ kiện khác đồng bộ	3
11.	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn tự động	1. Các xét nghiệm thực hiện: Định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn 2. Công suất và Thời gian thực hiện của mỗi máy: - Công suất: ≥ 50 test (card)/ lần chạy - Thời gian định danh các nhóm vi khuẩn và nấm: ≤ 16 giờ - Thời gian làm kháng sinh đồ: ≤ 16 giờ - Khả năng định danh vi sinh vật:	1

STT	Tên máy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		+ Nhóm vi khuẩn Gram âm: ≥ 165 loài + Nhóm vi khuẩn Gram dương: ≥ 150 loài + Các loài nấm: ≥ 60 loài + Nhóm streptococcus: ≥ 30 loài - Khả năng làm kháng sinh đồ: nhóm vi khuẩn gram âm, nhóm vi khuẩn gram dương 3. Thông số kỹ thuật - Nguyên lý định danh: sử dụng phương pháp đo quang kết hợp so màu, huỳnh quang phản ứng sinh hóa và các xét nghiệm truyền thống - Nguyên lý kháng sinh đồ: + Phương pháp KSD được sử dụng là thử nghiệm canh trường vi pha loãng + Mỗi panel KSD được thiết kế chứa một số kháng sinh với dãy pha loãng nồng độ nhân đôi + Hệ thống sử dụng chỉ thị oxy hóa khử để phát hiện sự sinh trưởng của vi sinh vật. Các phép đo liên tục về sự thay đổi của chỉ thị cũng như độ đục của vi khuẩn được sử dụng để xác định sự sinh trưởng của vi khuẩn. - Hệ thống máy định danh và làm kháng sinh đồ là hệ thống tự động - Có khả năng định danh và làm kháng sinh đồ đồng thời hoặc riêng rẽ - Giao diện tương thích với LIS (Laboratory Information System). - Có máy tính đồng bộ, máy in laser và phụ kiện khác đồng bộ	
12.	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn	1. Các xét nghiệm thực hiện, thời gian và công suất của mỗi máy Xét nghiệm hô hấp: tối thiểu có xét nghiệm phát hiện Sars-CoV-2, Cúm A, cúm B, RSV, thời gian trả kết quả ≤ 40 phút Xét nghiệm Lao & Các bệnh truyền nhiễm mới nổi: tối thiểu có xét nghiệm lao kháng RIF và Lao siêu kháng XDR, thời gian trả kết quả ≤ 90 phút Xét nghiệm các virus trong mẫu bệnh phẩm máu, sức khỏe phụ nữ và sức khỏe tình dục, tối thiểu có xét nghiệm phát hiện CT/NG, HPV, GBS và xét nghiệm định lượng virus HBV, HCV, HIV thời gian trả kết quả ≤ 2 giờ 2. Tính năng kỹ thuật Hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử tự động và tích hợp quy trình chuẩn bị mẫu, khuếch đại axit nucleic và phát hiện trình tự đích trong các mẫu bệnh phẩm bằng cách sử dụng Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) thời gian thực - Sử dụng công nghệ ≥ 10 màu hoặc tương đương, theo dõi độc lập được ≥ 10 tín hiệu trong một ống phản ứng.	2

5.